

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SÁCH VIỆT NAM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính 2012



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SÁCH VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 44 Tráng Tiễn - quận Hoàn Kiếm - Hà Nội

Tel: (84 - 4) 39 348 790 Fax: (84 - 4) 39 341 591

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 29

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Sách Việt Nam trình bày Báo cáo của Ban Tổng giám đốc cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính 2012.

Khái quát chung về Công ty TNHH Một thành viên Sách Việt Nam

Công ty TNHH Một thành viên Sách Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty"), tiền thân là Tổng Công ty Sách Việt Nam, tên viết tắt là SAVINA, là Doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Văn hoá - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch), được thành lập theo Quyết định số 3944/TC - QĐ ngày 19/12/1997 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá - Thông tin và Quyết định số 65/2003/QĐ-BVHTT ngày 24/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá - Thông tin quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty Sách Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên số 0100109829 ngày 10/12/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100109829 ngày 10/12/2010 thì vốn điều lệ của Công ty là 48.660.439.122 VND (*Bằng chữ: Bốn mươi tám tỷ, sáu trăm sáu mươi triệu bốn trăm ba mươi chín nghìn một trăm hai mươi hai đồng*).

Ngành nghề kinh doanh

- Xuất bản sách; xuất bản báo, tạp chí và các ấn phẩm định kỳ; sao chép bản ghi các loại (trừ các loại Nhà nước cấm);
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật; bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh;
- In ấn (trừ các loại Nhà nước cấm); dịch vụ liên quan đến in; bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại; bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Giáo dục nghề nghiệp; hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí; kinh doanh bất động sản; Khách sạn;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh./.

Trụ sở chính:

Địa chỉ : Số 44 Tràng Tiền - Hoàn Kiếm - Hà Nội

Tel: (84 - 4) 39 348 790

Fax: (84 - 4) 39 341 591

Hội đồng thành viên và Ban Tổng giám đốc

Các thành viên Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính 2012 và đến ngày lập Báo cáo tài chính, gồm:

Hội đồng thành viên

Ông Nguyễn Trọng Tuấn

Chủ tịch Hội đồng thành viên

Ông Phan Trọng Tuấn

Ủy viên

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

Ban Tổng giám đốc

Ông Nguyễn Trọng Tuấn

Tổng giám đốc

Ông Phan Trọng Tuấn

Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2012 của Công ty TNHH Một thành viên Sách Việt Nam được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, xét trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2012.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2012 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2012 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính này hay không; và
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo.

Ban Tổng giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan.

Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng giám đốc,

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SÁCH VIỆT NAM



Nguyễn Trọng Tuấn

Tổng giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2013



BÁO CÁO KIỂM TOÁN
về Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2012
của Công ty TNHH Một thành viên Sách Việt Nam

Kính gửi: Hội đồng thành viên và Ban Tổng giám đốc
Công ty TNHH Một thành viên Sách Việt Nam

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính 2012 được lập ngày 31 tháng 03 năm 2013 của Công ty TNHH Một thành viên Sách Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") từ trang 06 đến trang 29 kèm theo. Báo cáo tài chính được lập theo các chính sách kế toán trình bày trong Thuyết minh Phần IV của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc và các Kiểm toán viên

Theo qui định của Chế độ kế toán Việt Nam và như đã trình bày từ trang 02 đến trang 03, Ban Tổng giám đốc có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính một cách trung thực và hợp lý. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến độc lập về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán và báo cáo ý kiến của chúng tôi cho Hội đồng thành viên và Ban Tổng giám đốc Công ty.

Cơ sở đưa ra ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý là các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Giới hạn kiểm toán

- Chúng tôi chưa được cung cấp Báo cáo tài chính của Công ty Liên doanh TNHH Kim Ngọc mà Công ty TNHH MTV Sách Việt Nam đầu tư vốn. Do đó chúng tôi không đủ cơ sở để xem xét việc trích lập Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư tài chính dài hạn này theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 09/12/2009 của Bộ tài chính.
- Với những tài liệu mà Công ty cung cấp, chúng tôi không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế nào để có được những bằng chứng kiểm toán đầy đủ và thích hợp đối với các khoản mục giá vốn, hàng tồn kho và các khoản mục công nợ phải thu, phải trả của Công ty. Bất cứ sự điều chỉnh nào của các khoản mục nêu trên sẽ làm ảnh hưởng tới Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính 2012.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ các ảnh hưởng (nếu có) của các giới hạn kiểm toán nêu trên, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính 2012:

- Đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày; và
- Phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành cũng như các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo kiểm toán được lập thành sáu (06) bản bằng tiếng Việt, Công ty TNHH Một thành viên Sách Việt Nam giữ 05 bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam giữ 01 bản. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.



Nguyễn Trung Sơn

Phó Tổng giám đốc

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0813/KTV

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Phạm Viết Phú

Kiểm toán viên

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 2367/KTV

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		44.066.855.597	48.439.786.975
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	24.540.402.285	26.922.092.107
1 Tiền	111		4.540.402.285	6.922.092.107
2 Các khoản tương đương tiền	112		20.000.000.000	20.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1 Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2 Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		6.338.516.353	5.611.426.475
1 Phải thu khách hàng	131	VIII.1.1	6.144.712.892	6.081.333.886
2 Trả trước cho người bán	132	VIII.1.2	109.409.405	64.438.122
5 Các khoản phải thu khác	135	V.02	1.745.669.964	1.126.930.373
6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.661.275.908)	(1.661.275.908)
IV. Hàng tồn kho	140		10.628.502.173	13.457.933.995
1 Hàng tồn kho	141	V.03	11.159.761.744	14.346.929.970
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(531.259.571)	(888.995.975)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.559.434.786	2.448.334.400
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
4 Tài sản ngắn hạn khác	158	VIII.1.3	2.559.434.786	2.448.334.400
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		27.150.791.958	28.119.834.307
II. Tài sản cố định	220		9.437.335.146	10.154.803.059
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.04	9.437.335.146	10.154.803.059
- Nguyên giá	222		24.340.181.271	24.208.126.271
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(14.902.846.125)	(14.053.323.212)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.05	17.272.360.000	17.272.360.000
2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		1.932.000.000	1.932.000.000
3 Đầu tư dài hạn khác	258		15.340.360.000	15.340.360.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		441.096.812	692.671.248
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	V.06	441.096.812	692.671.248
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		71.217.647.555	76.559.621.282

(Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
A - NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		22.243.933.248	26.117.218.906
I. Nợ ngắn hạn	310		22.243.933.248	25.410.326.639
1 Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2 Phải trả người bán	312	VIII.1.4	17.281.010.285	18.969.006.791
3 Người mua trả tiền trước	313	VIII.1.5	1.044.462.178	38.978.951
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.07	316.265.497	705.285.082
5 Phải trả người lao động	315		533.982.825	375.551.449
6 Chi phí phải trả	316	V.08	1.014.638.083	2.528.231.047
9 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.09	1.931.716.383	2.752.553.515
11 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		121.857.997	40.719.804
II. Nợ dài hạn	330		-	706.892.267
6 Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	706.892.267
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		48.973.714.307	50.442.402.376
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.10	48.973.714.307	48.764.985.079
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		40.602.909.880	40.602.909.880
3 Vốn khác của chủ sở hữu	413		3.380.973.209	3.380.973.209
6 Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	2.681.673
7 Quỹ đầu tư phát triển	417		681.650.026	594.505.929
8 Quỹ dự phòng tài chính	418		376.949.011	324.355.441
10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		129.705.498	58.032.264
11 Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		864.940.781	864.940.781
12 Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		2.936.585.902	2.936.585.902
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	1.677.417.297
1 Nguồn kinh phí	432	V.11	-	1.677.417.297
2 Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		71.217.647.555	76.559.621.282

(Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

(tiếp theo)

CHỈ TIÊU	ĐVT	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
1. Tài sản thuê ngoài			-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, gia công			-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi			-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý			-	-
5. Ngoại tệ các loại	USD		-	501,43
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			-	-

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2013

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SÁCH VIỆT NAM

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Tổng giám đốc





Nguyễn Thị Minh

Nguyễn Tuyết Mai

Nguyễn Trọng Tuấn

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.12	42.260.560.081	61.956.990.084
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.13	47.034.075	1.029.464.806
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VI.14	42.213.526.006	60.927.525.278
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.15	26.930.037.428	45.987.029.157
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		15.283.488.578	14.940.496.121
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.16	2.537.782.199	2.851.464.031
7 Chi phí tài chính	22	VI.17	5.116.407	64.334.853
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8 Chi phí bán hàng	24	VIII.1.6	10.933.199.751	8.348.792.107
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VIII.1.7	8.457.928.254	8.850.483.009
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		(1.574.973.635)	528.350.183
11 Thu nhập khác	31	VIII.1.8	2.254.001.609	84.562.774
12 Chi phí khác	32	VIII.1.9	-	117.097
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		2.254.001.609	84.445.677
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+ 40)	50		679.027.974	612.795.860
15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.19	152.055.651	176.921.417
16 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		526.972.323	435.874.443

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2013

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SÁCH VIỆT NAM

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Tổng giám đốc

Nguyễn Thị Minh

Nguyễn Tuyết Mai

Nguyễn Trọng Tuấn

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

<Theo phương pháp trực tiếp>

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
I	Lưu chuyển tiền từ kinh doanh				
1	Tiền thu từ bán hàng, CCDV và doanh thu khác	01		44.906.527.009	89.124.049.442
2	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(32.398.731.419)	(87.492.370.602)
3	Tiền chi trả cho người lao động	03		(8.535.378.916)	(8.315.024.832)
4	Tiền chi trả lãi vay	04		-	-
5	Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		-	(955.553.227)
6	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		12.856.958.224	3.376.227.833
7	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(21.610.127.789)	(9.165.259.117)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(4.780.752.891)	(13.427.930.503)
II	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(132.055.000)	(336.488.109)
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		-	4.500.000
3	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(27.000.000.000)
4	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	35.262.829.164
5	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(1.092.000.000)
6	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		-	-
7	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.531.118.069	2.836.012.896
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		2.399.063.069	9.674.853.951
III	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
4	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
6	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		(2.381.689.822)	(3.753.076.552)
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		26.922.092.107	30.682.383.617
	Ảnh hưởng của thay đổi TGHĐ quy đổi ngoại tệ	61		-	(7.214.958)
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	V.01	24.540.402.285	26.922.092.107

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 008101 Quyển số 01 SCT/BS

Ngày: 07-10-2015

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2013

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SÁCH VIỆT NAM

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Tổng giám đốc

Nguyễn Thị Minh

Nguyễn Tuyết Mai

Nguyễn Trọng Tuấn

(Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Đức Long

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Một thành viên Sách Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty"), tiền thân là Tổng Công ty Sách Việt Nam, tên viết tắt là SAVINA, là Doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Văn hoá - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch), được thành lập theo Quyết định số 3944/TC - QĐ ngày 19/12/1997 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá - Thông tin và Quyết định số 65/2003/QĐ-BVHTT ngày 24/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá - Thông tin quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty Sách Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên số 0100109829 ngày 10/12/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100109829 ngày 10/12/2010 thì vốn điều lệ của Công ty là 48.660.439.122 VND (Bằng chữ: Bốn mươi tám tỷ, sáu trăm sáu mươi triệu, bốn trăm ba mươi chín nghìn, một trăm hai mươi hai đồng).

2. Lĩnh vực hoạt động kinh doanh

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực phát hành sách và kinh doanh thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Xuất bản sách; xuất bản báo, tạp chí và các ấn phẩm định kỳ; sao chép bản ghi các loại (trừ các loại Nhà nước cấm);
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật; bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh;
- In ấn (trừ các loại Nhà nước cấm); dịch vụ liên quan đến in; bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại; bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Giáo dục nghề nghiệp; hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí; kinh doanh bất động sản; khách sạn;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh./.

Trụ sở chính của Công ty

Địa chỉ: Số 44 Tràng Tiền - Hoàn Kiếm - Hà Nội

Tel: (84 - 4) 39 348 790

Fax: (84 - 4) 39 341 591

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

(tiếp theo)

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003 và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 - Chuẩn mực chung.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/03/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính về việc "Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp". Riêng Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán Quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính chưa được Công ty áp dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ trên máy vi tính, sử dụng phần mềm kế toán Bravo.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Do đặc thù của ngành phát hành sách nên giá gốc hàng tồn kho được theo dõi và hạch toán vào sổ theo giá bìa và giá trị chiết khấu của từng loại hàng hóa. Tuy nhiên, đơn vị hiện chưa theo dõi được chiết khấu chi tiết của từng đầu sách nhập.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Phương pháp thực tế đích danh (giá bìa của sách) và phương pháp bình quân gia quyền (đối với phần chiết khấu của hàng hóa tồn kho).

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Tại thời điểm 31/12/2012, Công ty đã tiến hành hoàn nhập một phần dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

(tiếp theo)

3. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chi tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định hữu hình thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư 203/2009/TT - BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định".

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định

Thời gian khấu hao (năm)

Nhà cửa, vật kiến trúc

10 - 34

Phương tiện vận tải

10

Máy móc thiết bị

03 - 08

Thiết bị, dụng cụ quản lý

03 - 10

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty bao gồm: Đầu tư góp vốn vào Công ty Liên doanh TNHH Kim Ngọc và khoản đầu tư vào Công ty liên kết là đầu tư góp vốn vào Công ty CP In Savina, được ghi nhận theo giá gốc, bắt đầu từ ngày góp vốn đầu tư. Trong đó, khoản đầu tư vào Công ty Liên doanh Kim Ngọc là Công ty nhận lại của Công ty Khách sạn và Dịch vụ Văn hóa với giá trị là 1.040.000 USD tương đương với 15.340.360.000 VND chiếm 15,20% vốn góp liên doanh.

Tại thời điểm 31/12/2012, Công ty không trích lập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính dài hạn.

5. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm các khoản trích trước chi phí vận chuyển sách cho các tỉnh, thành phố trên toàn quốc và tiền thuê nhà chưa được chi nhưng được ước tính để ghi nhận vào chi phí trong kỳ, dựa trên dự toán chi phí và dự toán trích trước.

6. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi) từ hoạt động của doanh nghiệp.

Vốn khác của chủ sở hữu là số vốn được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp.

Nguồn vốn đầu tư XDCB của Công ty được ghi nhận khi Ngân sách hoặc đơn vị cấp trên cấp vốn đầu tư XDCB.

7. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu từ kinh doanh sách, văn hóa phẩm và lịch Bloc, doanh thu in ấn, doanh thu cho thuê nhà, doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng và cổ tức được chia.

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

(tiếp theo)

Doanh thu từ hoạt động kinh doanh sách, văn hóa phẩm và lịch Bloc được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc dồn tích, ghi nhận khi chuyển giao hàng hoá cho khách hàng, phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu dịch vụ in ấn, cho thuê nhà được xác định khi dịch vụ đã hoàn thành, đã phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 4 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Cổ tức được chia là khoản tiền nhận lãi từ những năm trước nay ghi nhận vào doanh thu.

8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính là lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

9. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

9.1 Ghi nhận các khoản phải thu và phải trả

Nguyên tắc xác định khoản phải thu khách hàng dựa theo Hợp đồng và ghi nhận theo giá trị Hoá đơn bán hàng xuất cho khách hàng.

Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và Hợp đồng kinh tế.

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo Hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo giá trị Hoá đơn mua hàng.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

9.2 Các nghĩa vụ về thuế

Thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

(tiếp theo)

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

9.3 Nguyên tắc ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hoá, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ. Riêng giá vốn hàng bán của Bộ phận phát hành được tính toán theo công thức giá bìa của sản phẩm, hàng hóa đã bán trừ đi chi phí chiết khấu được hưởng. Phần chi phí chiết khấu hiện đơn vị chưa theo dõi được chi tiết mà chỉ ước tính để hạch toán giảm giá vốn hàng bán.

Giá vốn dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Bảng cân đối kế toán

1. Tiền	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
<i>Tiền mặt</i>	1.070.499.138	2.039.943.877
<i>Tiền gửi ngân hàng</i>	3.469.903.147	4.882.148.230
Ngân hàng Công Thương Việt Nam - Sở giao dịch I	135.205.933	551.881.741
VND	135.205.933	551.881.741
Ngân hàng Công thương Việt Nam - CN Chương Dương	1.069.578.570	357.795.442
VND	1.069.578.570	357.795.442
Ngân hàng Citybank	-	14.412.715
VND	-	3.968.931
USD	-	10.443.784
Kho bạc nhà nước Thành phố Hà Nội	334.786.265	334.786.265
VND	334.786.265	334.786.265
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	43.565.642
VND	-	43.565.642
Ngân hàng TMCP Quân đội	1.930.332.379 *	3.579.706.425
VND	1.930.332.379	3.579.706.425
<i>Các khoản tương đương tiền (tiền gửi kỳ hạn 1 tháng)</i>	20.000.000.000	20.000.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam	10.000.000.000	10.000.000.000
Ngân hàng Công thương VN - CN Chương Dương	10.000.000.000	10.000.000.000
Tổng cộng	24.540.402.285	26.922.092.107

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

(tiếp theo)

2. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Công ty CP PHS Quảng Ninh	27.675.000	27.675.000
Công ty Khách sạn và dịch vụ Văn hóa	360.000.000	360.000.000
Công ty CP Sách- VH- TBTH Lạng Sơn	175.791.000	175.791.000
Trợ cước miền núi	37.296.520	-
Thu lại lương CB CNV	582.511.228	-
Nhà thầu 44 TT (CTXD Số 12 Sông Đà)	530.154.516	530.154.516
Trường ĐH Văn hoá Hà Nội	30.000.000	30.000.000
Đối tượng khác	2.241.700	3.309.857
Tổng cộng	1.745.669.964	1.126.930.373

3. Hàng tồn kho	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Hàng hóa	10.710.809.744	13.747.428.970
Hàng gửi đi bán	448.952.000	599.501.000
Tổng cộng giá gốc hàng tồn kho	11.159.761.744	14.346.929.970

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

(tiếp theo)

4. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Tổng cộng

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư ngày 01/01/2012	16.828.672.090	913.524.181	6.465.930.000	24.208.126.271
Mua trong năm	-	-	132.055.000	132.055.000
Tăng khác	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-
Số dư ngày 31/12/2012	16.828.672.090	913.524.181	6.597.985.000	24.340.181.271
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư ngày 01/01/2012	7.449.729.219	559.827.759	6.043.766.234	14.053.323.212
Khấu hao trong năm	468.485.844	83.605.248	297.431.821	849.522.913
Tăng khác	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-
Số dư ngày 31/12/2012	7.918.215.063	643.433.007	6.341.198.055	14.902.846.125
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2012	9.378.942.871	353.696.422	422.163.766	10.154.803.059
Tại ngày 31/12/2012	8.910.457.027	270.091.174	256.786.945	9.437.335.146

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

(tiếp theo)

5. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

a. Đầu tư vào Công ty liên kết

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Công ty CP In Savina	1.932.000.000	1.932.000.000
Tổng cộng	1.932.000.000	1.932.000.000

b. Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vốn góp liên doanh vào Công ty Liên doanh Kim Ngọc	15.340.360.000	15.340.360.000
Tổng cộng	15.340.360.000	15.340.360.000

6. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền thuê nhà 44 Tràng Tiền	197.419.192	263.225.596
Công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	243.677.620	429.445.652
Tổng cộng	441.096.812	692.671.248

7. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế GTGT	135.024.371	114.366.867
Thuế thu nhập doanh nghiệp	152.055.651	407.221.554
Thuế thu nhập cá nhân	4.872.175	181.759.750
Các loại thuế khác	24.313.300	1.936.911
Tổng cộng	316.265.497	705.285.082

8. Chi phí phải trả

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Trích trước chi phí vận chuyển sách	257.062.829	210.141.520
Tiền thuê nhà 22B Hai Bà Trưng	757.575.254	2.318.089.527
Tổng cộng	1.014.638.083	2.528.231.047

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

(tiếp theo)

9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Kinh phí công đoàn	39.794.772	-
Bảo hiểm xã hội	1.693.141	84.020.314
Bảo hiểm y tế	-	19.925.137
Bảo hiểm thất nghiệp	-	7.639.914
Phải trả, phải nộp khác	1.890.228.470	2.640.968.150
<i>Công ty TNHH Liên doanh Kim Ngọc</i>	-	1.368.562.543
<i>Công ty CP Văn hóa Du lịch Gia Lai</i>	513.294.458	-
<i>Trung tâm phát hành Sách vật tư VH Sơn La</i>	352.041.041	-
<i>Công ty PHS & VHP KonTum</i>	68.359.000	-
<i>TT PHS Tỉnh Điện Biên</i>	42.278.837	-
<i>Công ty CP In & PHS Lâm Đồng</i>	229.095.688	-
<i>Nguyễn Thị Minh Thiệu</i>	63.424.000	63.424.000
<i>Công ty CP văn hóa Đắc Lắc</i>	355.280.904	-
<i>Các đối tượng khác</i>	217.663.812	27.737.840
<i>Cục thuế Hà nội</i>	48.790.730	399.959.567
<i>Bộ văn hóa</i>	-	781.284.200
Tổng cộng	1.931.716.383	2.752.553.515

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

(tiếp theo)

10. Vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

10.1 Bảng đối chiếu biến động Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	Tổng cộng
Số dư tại ngày 01/01/2011	40.602.909.880	3.380.973.209	635.996.778	864.940.781	45.484.820.648
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	435.874.443	-	435.874.443
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	1.013.838.957	-	1.013.838.957
Số dư tại ngày 01/01/2012	40.602.909.880	3.380.973.209	58.032.264	864.940.781	44.906.856.134
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	526.972.323	-	526.972.323
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	455.299.089	-	455.299.089
Số dư ngày 31/12/2012	40.602.909.880	3.380.973.209	129.705.498	864.940.781	44.978.529.368

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

(tiếp theo)

10.2 Chi tiết vốn chủ sở hữu

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vốn của Nhà nước	40.602.909.880	40.602.909.880
Tổng cộng	40.602.909.880	40.602.909.880

10.3 Các quỹ của doanh nghiệp

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	01/01/2012	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2012
Quỹ đầu tư phát triển	594.505.929	87.144.097	-	681.650.026
Quỹ dự phòng tài chính	324.355.441	52.593.570	-	376.949.011
Tổng cộng	918.861.370	139.737.667	-	1.058.599.037

11. Nguồn kinh phí

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Nguồn kinh phí được cấp	-	3.130.729.913
Chi sự nghiệp	-	(1.453.312.616)
Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	-	1.677.417.297

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả kinh doanh

12. Doanh thu bán hàng

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	42.260.560.081	58.937.355.655
Doanh thu khác	-	3.019.634.429
Tổng cộng	42.260.560.081	61.956.990.084

13. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	47.034.075	1.029.464.806
Tổng cộng	47.034.075	1.029.464.806

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

(tiếp theo)

14. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	42.213.526.006	57.907.890.849
Doanh thu khác	-	3.019.634.429
Tổng cộng	42.213.526.006	60.927.525.278
15. Giá vốn hàng bán	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Giá vốn hàng bán	26.930.037.428	45.987.029.157
Tổng cộng	26.930.037.428	45.987.029.157
16. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.410.004.069	2.549.712.896
Cổ tức, lợi nhuận được chia	121.114.000	286.300.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.664.130	15.451.135
Tổng cộng	2.537.782.199	2.851.464.031
17. Chi phí tài chính	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.116.407	64.334.853
Tổng cộng	5.116.407	64.334.853
18. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Doanh thu chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	47.005.309.814	63.863.552.083
Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp	46.326.281.840	63.250.756.223
Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	679.027.974	612.795.860
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận tính thuế thu nhập doanh nghiệp	(70.805.370)	94.889.809
<i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	<i>(121.114.000)</i>	<i>(286.300.000)</i>
<i>Chi phí bị trừ khi tính thuế TNDN</i>	<i>50.308.630</i>	<i>381.189.809</i>
Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	608.222.604	707.685.669
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25%	25%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế hiện hành	152.055.651	176.921.417

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

(tiếp theo)

19. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	27.152.550.127	45.987.029.157
Chi phí nhân công	9.709.066.284	9.715.585.382
Chi phí khấu hao tài sản cố định	849.522.913	1.151.160.471
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.269.685.382	3.191.536.668
Chi phí khác bằng tiền	5.149.851.606	3.134.295.553
Tổng cộng	46.130.676.312	63.179.607.231

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những thông tin khác

1.1. Phải thu của khách hàng

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Chi nhánh NXB Phụ nữ	30.777.000	30.777.000
Công ty Điện ảnh & VHP Cao Bằng	49.875.500	49.875.500
Công ty CP Sách-VHTH Hòa Bình	93.650.900	125.466.400
Công ty CP PHS Hải Phòng	88.689.431	150.807.801
Công ty CP PHS Nam Hà	66.828.276	74.528.276
Công ty CP PHS Ninh Bình	22.222.300	22.222.300
Công ty CP PHS Thái Bình	56.871.800	56.871.800
Công ty PHS Tuyên Quang	36.439.800	36.439.800
Công ty TNHH Quảng cáo Dolphin (truyền thông)	335.104.000	-
Công ty CP In-PHS & TBTH Quảng Trị	61.435.100	61.435.100
Công ty CP VHP Phương Nam - CN Hà Nội	481.713.100	481.713.100
Công ty CP Văn hóa Sách Việt Nam	6.370.150	116.394.600
Công ty CP Sách & VHP Thừa Thiên Huế	46.087.374	46.087.374
Công ty CP văn hóa Văn Lang	36.013.850	66.177.250
Công ty TNHH Đông Tây-Nhà sách Đông Tây	116.821.650	140.229.250
Công ty CP PHS TP HCM - Trung tâm Sách Nguyễn Huệ	34.012.546	364.606.396
Công ty Trung tâm Sách Thiết bị thư viện	158.558.900	158.558.900
Công ty Văn hóa Bảo Thắng	114.842.300	114.842.300
Công ty CP Sách TBTH Đà Nẵng	26.327.750	48.552.750
Công ty Dịch vụ văn hóa Nhân Văn	27.915.775	52.036.775
CN Công ty CP VHDL Gia Lai tại Nghệ An	75.607.130	75.607.130
Công ty TNHH Chè Đại Thành	172.800.000	172.800.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

(tiếp theo)

Công ty CP XD & sản xuất nội thất KB	110.419.200	-
CN Công ty CP VHDL Gia Lai tại Quảng Ngãi	68.866.000	68.866.000
CN Công ty CP VHDL Gia Lai tại Bình Định	246.267.900	246.267.900
Công ty CP In Sách Việt Nam	142.131.645	-
Công ty TNHH SX & TM BB VPVH XD Minh Việt Long	80.900.000	80.900.000
Công ty TNHH MTV Trần chung á châu	49.914.250	49.914.250
HS Thuật	173.421.300	119.354.780
50A Hàng Bài	371.017.659	308.702.250
Nhà sách Lê Luy	80.843.600	80.843.600
Nhà sách Tri Âm	38.503.500	38.503.500
Nhà sách Quỳnh Mai	143.543.950	143.543.950
Nhà sách CADASA	37.469.500	37.469.500
Nhà sách Hồng Bàng (Mỹ)	248.808.181	248.808.181
Nhà sách Kiến thức-DNTN PHS Kiến Thức	49.923.000	49.923.000
Dự án 112	92.000.000	92.000.000
Lê Hữu Phúc	51.987.400	51.987.400
Trường CD kinh tế kỹ thuật HN	-	86.419.125
Trường ĐH Khoa học Công nghệ Hà nội	-	96.798.307
TT Từ điển học	110.260.830	109.317.200
Các đối tượng khác	1.909.470.345	1.725.685.141
Tổng cộng	6.144.712.892	6.081.333.886

1.2. Trả trước cho người bán

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
ALMANACH - Những nền văn minh TG	81.209.399	34.165.570
Mật mã Thiên Mộ	12.740.805	12.740.805
Thiên sứ offline	10.192.644	10.192.644
Hoa mộc lan Nhật Bản	4.854.900	4.854.900
Nhà xuất bản MDS	-	2.418.213
Đối tượng khác	411.657	65.990
Tổng cộng	109.409.405	64.438.122

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

(tiếp theo)

1.3. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
<i>Tài sản thiếu chờ xử lý</i>	<i>45.170.400</i>	<i>45.170.400</i>
<i>Tạm ứng</i>	<i>2.514.264.386</i>	<i>2.403.164.000</i>
Lại Duy Đăng	16.500.000	22.000.000
Vũ Văn Kiên	33.000.000	-
Phạm Thị Là	165.000.000	70.000.000
Chu Thị Thu Hằng	10.235.750	-
Kiều Thu Hằng	7.140.000	-
Nguyễn Thị Yên	1.973.944.000	1.973.944.000
Nguyễn Thị Minh Phương	31.150.000	-
Phạm Huy Tâm	50.000.000	-
Phạm Quý Phúc	-	2.520.000
Trần Tiến Đạt	45.000.000	15.000.000
Thắm Liên Hương	94.200.000	124.200.000
Ngô Thị Diệu Hiền	10.211.000	-
Lý Hải Yến	-	10.000.000
Phạm Thị Mai	-	5.000.000
Nguyễn Thị Xuyên	1.000.000	-
Đào Hải	-	85.500.000
Văn Thanh Giang	2.000.000	2.000.000
Cty TNHH MTV Quản lý & Phát triển nhà Hà nội	9.883.636	-
Cty TNHH Kiểm toán & Định Giá Việt Nam	10.000.000	10.000.000
Cty Luật Hợp Danh JDC VN	25.000.000	-
Cty TNHH TM&Thời trang Nhất An	-	53.000.000
VP Bộ VHTT và du lịch	30.000.000	30.000.000
Tổng cộng	2.559.434.786	2.448.334.400

1.4. Phải trả người bán

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Cửa hàng robo	184.290.700	168.206.600
CH VPP Hùng Anh (Nguyễn Việt Hùng)	70.486.482	41.712.560
CN Sài Gòn AUDIO	70.564.650	40.855.900
Công ty TNHH TM&DV Văn hóa Hương Trang	191.953.700	179.802.700
Công ty TNHH Tân Thuận Thiên	82.304.400	43.851.200

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

(tiếp theo)

Công ty TNHH VH Sáng tạo Trí Việt (Nhà sách Lê Quý Đôn)	337.531.385	263.593.610
Công ty CP Phần mềm LCK	102.466.000	102.466.000
Công ty TNHH văn hóa Hương Thủy - Nhà sách Hương Thủy	77.400.300	99.192.400
Công ty CP VHP Phương Nam - CN Hà Nội	497.005.920	497.005.920
Công ty TNHH & DVVH Phương Bắc - Nhà sách Huy Hoàng	516.814.095	262.456.975
Công ty CP Văn hóa Sách Việt Nam	127.517.950	151.688.300
Công ty CP văn hóa Văn Lang	136.262.717	190.716.100
Công ty CP VH và truyền thông Nhã Nam	112.789.800	162.357.700
Công ty TNHH ĐT & PT Tân Việt	106.341.400	137.079.450
Công ty TNHH Văn hoá thời đại (Nhà sách Trẻ)	125.070.590	185.565.200
Công ty TNHH Đông Tây-Nhà sách Đông Tây	118.994.300	86.889.550
Công ty TNHH Tạo Mẫu Bông Sen	147.958.250	138.536.750
Công ty CP PHS TP HCM - Trung tâm Sách Nguyễn Huệ	111.061.600	116.640.260
Công ty CP giáo dục Đại Trường Phát	95.682.100	211.303.400
Công ty CP Sách Alpha	167.403.500	137.880.350
Công ty TNHH TM Đông Nam	81.859.600	76.123.600
Công ty CP Bản đồ Huyền Anh	107.481.000	137.225.000
Công ty TNHH TM & DVVH Đình Ty	88.405.700	66.910.700
Công ty PHS Khu vực 2	102.298.742	102.298.742
Công ty TNHH Văn hóa Minh Lâm	163.241.700	273.545.150
Công ty TNHH VH và TT Trí Việt	146.754.850	135.688.900
CTTNHHVH Trí Đức Thái Thịnh	380.332.400	1.383.098.000
Công ty CP Văn hóa & truyền thông Phương Đông	89.923.400	85.994.100
Công ty Thương mại-Dịch vụ VH Minh Long-Nhà sách Bắc Nam	151.246.030	165.087.345
Công ty TNHH Minh Khai HN	93.996.806	59.472.636
Công ty TNHH SX & TM Âu Việt	73.069.533	133.592.750
Công ty TNHH PTVH & truyền thông Liên Việt	81.645.150	416.281.125
Công ty TNHH sách và VHP Quảng Lợi	237.001.120	336.747.500
Công ty CP Sách & TBGD Miền bắc	85.316.875	28.246.330
Công ty CP Văn hoá & truyền thông Liên Việt	289.927.300	-
Công ty TNHH MTV Trần chung á châu	436.194.250	-
HS Thuật	140.755.248	210.505.220
50A Hàng Bài	453.558.341	374.131.139
Nhà sách Minh Thắng-Công ty TNHH VH Minh Tân	245.739.020	165.062.320
Nhà sách Quỳnh Dung	174.658.320	240.684.670

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

(tiếp theo)

Nhà sách Trinh Dấu (Công ty TNHH Sách - DVVH Trinh Dấu)	160.343.333	150.431.242
Nhà sách Quỳnh Mai	117.911.400	117.911.400
Công ty CP VH Nhân Văn	78.052.225	104.773.225
NXB Kim đồng	195.728.600	220.616.160
NXB Thế giới	278.877.130	296.867.266
NXB Phụ nữ	194.108.500	245.918.350
NXB Thông Tấn	85.840.450	79.663.000
NXB Chính Trị Quốc Gia	197.055.785	143.537.170
NXB Pearson Education	508.200.284	78.115.784
Công ty TNHH NN một thành viên-NXB Hà nội	203.726.200	215.178.700
NXB Hội nhà văn	101.905.000	100.005.000
NXB Xây dựng	168.259.020	129.597.900
NXB Macmillan	112.987.526	-
NXB Pearson Education - sách in trong nước	154.166.675	171.267.504
NXB Celf - picclia - HT	1.171.043.052	1.171.043.052
CN Công ty TNHH MTV NXB Trẻ tại Hà nội	363.961.925	218.252.550
FRANCE EDITOITON-40 Đình Ngang	110.568.200	110.568.200
Lê Kim Nguyên	122.300.000	91.205.000
Đào Kim Hạnh	132.075.788	164.063.914
Văn Mỹ Liên	115.204.801	30.708.720
Các đối tượng khác	5.705.389.167	7.520.786.502
Tổng cộng	17.281.010.285	18.969.006.791

1.5. Người mua trả tiền trước

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Công ty PHS TP HCM-CN Hà nội-Nhà sách Fahasa HN	4.047.000	573.500
Công ty CP GT & T Việt Nam	23.000.000	-
Công ty TNHH Việt Nam Khám Phá	62.700.000	-
Nhà sách tsaiifong books	1.795.215	1.795.215
Bộ Giáo dục và Đào tạo	934.272.000	-
Đại sứ quán Pháp (Embassy of France)	-	17.663.577
Kim Hyoung Gyun	4.916.892	4.916.892
Trường ĐH Hà Lan	12.790.492	12.790.492
Đối tượng khác	940.579	1.239.275
Tổng cộng	1.044.462.178	38.978.951

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

(tiếp theo)

1.7. Chi phí bán hàng

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí nhân viên	5.556.676.414	5.547.587.522
Chi phí vật liệu, bao bì	40.639.998	34.834.284
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	25.363.871	22.576.022
Chiết khấu bán hàng	30.631.355	20.660.942
Chi phí khấu hao TSCĐ	161.413.215	19.602.454
Chi phí khác bằng tiền	5.118.474.898	2.703.530.883
Tổng cộng	10.933.199.751	8.348.792.107

1.8. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí nhân viên	4.152.389.870	4.167.997.860
Chi phí vật liệu quản lý	1.971.276	985.638
Chi phí đồ dùng văn phòng	167.102.863	218.861.993
Chi phí khấu hao TSCĐ	845.285.791	1.147.337.564
Chi phí dự phòng	-	164.643.360
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.269.685.382	3.083.466.390
Chi phí khác bằng tiền	21.493.072	67.190.204
Tổng cộng	8.457.928.254	8.850.483.009

1.9. Thu nhập khác

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Thu thanh lý thiết bị	-	4.500.000
Xuất bán giá vốn do bộ phận làm mất mát	-	72.188.063
Hoàn nhập chia lãi các năm	1.368.562.543	-
Hoàn nhập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	693.158.267	-
Thu nhập khác	192.280.799	7.874.711
Tổng cộng	2.254.001.609	84.562.774

1.10. Chi phí khác

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Xử lý công nợ	-	117.097
Tổng cộng	-	117.097

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

(tiếp theo)

2. Số liệu so sánh

Số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2011 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE). Một số chỉ tiêu đã được điều chỉnh theo Thanh tra thuế và thanh tra bộ cho kỳ hoạt động từ năm 2011. Số liệu điều chỉnh được thuyết minh chi tiết như sau:

2.1 Chi tiết điều chỉnh các sai sót của Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2011

Bảng cân đối kế toán

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Số liệu tại 31/12/2011		Chênh lệch
	Số liệu trước điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	
	(1)	(2)	(2)-(1)
Tạm ứng	1.049.437.400	2.448.334.400	(1.398.897.000)
Thuế và các khoản phải trả nhà nước	217.377.780	705.285.082	(487.907.302)
Phải trả khác	1.571.309.748	2.752.553.515	(1.181.243.767)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	328.286.333	58.032.264	270.254.069

2.2 Các thuyết minh về số liệu điều chỉnh

Trong năm 2011, Tạm ứng tăng 1.398.897.000 đồng là do Công ty sẽ tiến hành thu hồi lại khoản chi đã kết chuyển vào chi phí không có hóa đơn (Chi tạm ứng cho CB CNV năm tài chính 2010). Thuế và các khoản phải trả nhà nước tăng lên 487.907.302 đồng là do tăng thuế GTGT phải nộp với giá trị 81.083.947 đồng, thuế TNDN với giá trị 230.300.137 và thuế TNCN với giá trị 176.523.218 đồng theo biên bản thanh tra thuế. Phải trả khác tăng 1.181.243.767 đồng do tăng khoản thuế phạt theo biên bản thanh tra thuế với giá trị 399.959.567 đồng và tăng khoản phải nộp nhà nước theo thanh tra bộ với giá trị 781.284.200 đồng. Lợi nhuận chưa phân phối giảm 270.254.069 đồng là do tăng lợi nhuận từ việc giảm giá vốn với giá trị 1.398.897.000 đồng và dùng lợi nhuận để xử lý các khoản nộp phạt thuế và nộp theo biên bản thanh tra bộ với giá trị 1.669.151.069 đồng.

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2013

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SÁCH VIỆT NAM

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Tổng Giám đốc


 Nguyễn Thị Minh


 Nguyễn Tuyết Mai


 Nguyễn Trọng Tuấn